TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2026/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 05 tháng 03 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 114/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Ông Quàng Văn C, Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Bản N 2, xã M, tỉnh Đ

- Bị đơn: Bà Bạc Thị N - Sinh năm: 1986; ĐKTT: Bản N 2, xã M, tỉnh Đ.

Hiện trú tại: Bản X, xã N, tỉnh Điện Biên

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: ông Quàng Văn C và bà Bạc Thị N

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: ông Quàng Văn C và bà Bạc Thị N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu cháu Quàng Thị Kim N sinh ngày 06/2/2013 cho ông C được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu Quàng M H sinh ngày 17/01/2011 cho bà N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ Khoản 3, Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điểm a, b Khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông C và bà N mỗi người phải chịu 75.000đ án phí DSST. Nhưng ông C tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số: 0000087 ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Ông C đã nộp đủ án phí DSST và được trả lại số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND Khu vực 1-Đ
- UBND xã M cũ (nay xã N);
- THADS tỉnh Đ;
- Kế toán (để biết);
- Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên